TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 06/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Phong và bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn D (tên gọi khác: Không) sinh năm 1972 tại thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 6 khu Cửa Ngăn, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị T; có vợ là Trần Thị K (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 1990; con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, bị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Quảng Ninh từ ngày 23/3/2015 đến ngày 23/3/2017 thì trở về địa phương; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2017 đến ngày 24/12/2017, tạm giam từ ngày 24/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 3 khu 9, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Đỗ Hữu K, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 6 khu Cửa Ngăn, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Những người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/12/2017, tại trước cửa nhà nghỉ Liên Phương, thuộc khu Liên Phương, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý – Công an thành phố UB đã kiểm tra phát hiện Trần Văn D ném một túi nilon màu trắng, chứa tinh thể mầu trắng xuống đất sát cạnh vị trí D đứng. Lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, thu giữ vật chứng trên gồm: 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (D khai nhận là ma túy đá của D mang về để sử dụng), thu trong túi áo khoác ngoài bên phải của D 01 lọ thủy tinh màu nâu cao 10cm, đường kính 05cm bên trong có 01 túi nilon màu trắng có chứa chất tinh thể màu trắng và 16 vỏ túi nilon kích thước (01x01)cm bên trong dính chất bột màu trắng dạng vết; thu giữ trong túi áo khoác bên trái D đang mặc 01 (một) cân tiểu ly điện tử màu đen có ghi chữ Nokia. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 34C-03990.

- Tại bản Kết luận giám định số 20/GĐMT ngày 21/12/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật ký hiệu là M1 (gói nilon D vứt ra ở mặt đường), M2 (túi nilon thu trong áo khoác của D) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng lần lượt là 1,378g (một phảy ba bảy tám gam) và 3,823g (ba phảy tám hai ba gam); mẫu vật là chất bột màu trắng dạng vết là ma túy loại Methamphetamine không xác định trọng lượng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn D khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 18/12/2017, D cầm theo số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), đi bộ từ nhà (khu Cửa Ngăn) ra đường quốc lộ 18A đón xe bus đi lên ngã ba lối rẽ vào Bến Đụn, thuộc xã YĐ, ĐT. Khi đến nơi, D gặp một người đàn ông tên là N, khoảng 40 tuổi không biết lai lịch cụ thể, nhà ở Hải Phòng. D mua của N 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) ma túy đá được 01 túi nilon, rồi đón xe về khu chợ Vĩnh Thái, xã HTĐ, thị xã ĐT. D gọi điện thoại cho anh Đỗ Hữu K (sinh năm 1975; trú tại khu Cửa Ngăn, phường PĐ, UB) bảo ra đón D đến nhà nghỉ Liên Phương. Khoảng 20 phút sau, K điều khiển xe mô tô đến đón D. Khi D về đến nhà nghỉ Liên Phương vừa xuống xe mô tô, trên tay cầm gói ma túy mua của N thì Công an đến. Thấy vậy, D vứt gói ma túy "đá" xuống đất cạnh chỗ D đứng, thì bị Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản quả tang và thu giữ gói ma túy trên. Ngoài ra, Công an còn thu giữ ở túi áo khoác phía trước bên phải của D đang mặc 01 lọ thủy tinh màu nâu cao 10cm, đường kính 05cm bên trong có 01 túi nilon màu trắng có chứa chất tinh thể màu trắng và 16 vỏ túi nilon kích thước (01x01) cm, bên trong dính chất bột màu trắng dạng vết; tại túi áo khoác bên trái của D đang mặc 01 cân tiểu ly điện tử. D không thừa nhận những vật chứng thu trong túi áo khoác là của D mà chiếc áo khoác đó lúc trước D đã mượn của N để mặc, đến khi lực lượng Công an kiểm tra, D mới biết số túi ma túy đó là của N để trong áo khoác.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKSUB-QN ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Trần Văn D về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma***

túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai không thừa nhận hành vi tàng trữ 3,823g ma tuý loại Methamphetamine và những vật chứng thu trong túi áo khoác bị cáo đang mặc là của bị cáo mà chỉ khai thừa nhận hành vi tàng trữ 1,378g ma tuý loại Methamphetamine, đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn D như bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Văn D với mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc định tội: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận việc bị bắt quả tang và thu giữ các vật chứng đúng như cơ quan điều tra đã thu giữ và nội dung cáo trạng. Bị cáo chỉ thừa nhận tàng trữ 1,378g ma tuý loại Methamphetamine, không thừa nhận tàng trữ 3,823g ma tuý loại Methamphetamine và những vật chứng thu trong túi áo khoác bị cáo đang mặc vì chiếc áo khoác bị cáo đang mặc trước đó bị cáo đã mượn của đối tượng bán ma túy cho bị cáo tên N để mặc. Hội đồng xét xử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và khám người thu giữ toàn bộ vật chứng trong túi quần và các túi áo khoác bị cáo đang mặc trên người, toàn bộ tang vật thu giữ trên đã được tiến hành lập biên bản niêm phong đúng quy định và có sự chứng kiến làm chứng của nhiều người, trong đó có sự chứng kiến của các anh Phạm Văn H và Đỗ Hữu K, các vật chứng đó đã được gửi giám định; Tại bản Kết luận giám định số 20/GĐMT ngày 21/12/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật ký hiệu là M1 (gói nilon Dũng vứt ra ở mặt đường), M2 (túi nilon thu trong áo khoác của D) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng lần lượt là 1,378g (một phẩy ba bảy tám gam) và 3,823g (ba phẩy tám hai ba gam); mẫu vật là chất bột màu trắng dạng vết là ma túy loại Methamphetamine không xác định trọng lượng. Lời khai của bị cáo nại ra về việc mượn áo khoác của đối tượng bán ma túy cho bị cáo tên N là không có căn cứ chứng minh, bởi lẽ: cơ quan điều tra đã không xác định được đối tượng tên Ninh ở đâu? việc bị cáo mượn áo khoác của đối tượng tên N không ai chứng kiến và không ai biết; bị cáo cũng không biết đối tượng tên N ở đâu và không xác định là có còn gặp lại N để trả áo khoác hay không? Bị cáo khai thời gian từ lúc bị cáo mượn áo khoác cho đến khi bị cáo bị bắt quả tang là một thời gian dài gần 05 giờ, vậy thời gian đó cũng đủ để bị cáo biết được trong túi áo khoác có những gì, cũng

như bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hành vi nhận thức về pháp luật, bị cáo đã từng bị xét xử, là đối tượng nghiện ma túy đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nên bị cáo biết được chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý, nên buộc bị cáo phải biết số ma túy đã bị bắt quả tang và thu giữ trên áo khoác bị cáo đang mặc. Với các chứng cứ nên trên hoàn toàn phù hợp với lời khai xác nhận của những người làm chứng và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 18/12/2017, tại trước cửa nhà nghỉ Liên Phương, khu Liên Phương, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Trần Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 5,201g (*năm phẩy hai không một gam*) ma tuý loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị Công an thành phố Uông Bí bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Xét về nhân thân, bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự; năm 1998 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phạm tội: "Cướp tài sản của công dân", có một tiền sự bị cai nghiện bắt buộc; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "***Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt: Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** từ hai năm đến bảy năm tù. Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội này là từ một năm đến năm năm tù. Đối chiếu với quy định của hai bộ luật trên thì thấy: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao hơn khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 về cùng một tội, tuy nhiên bị cáo phạm tội tàng trữ ma túy với số lượng là 5,201g ma tuý loại Methamphetamine, đối chiếu với quy định lượng tàng trữ ma túy để định khung hình phạt của khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo phạm vào khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, để xem xét khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo vẫn quanh co chối tội không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên bị cáo cũng ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản

thân.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) đến 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cơ quan điều tra đã trả lại cho người nhà bị cáo nên không đề cập xử lý; 01 (một) phong bì thư số 20/GĐMT của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh hoàn lại sau giám định là ma túy loại Methamphetamine thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 8.000đ (Tám nghìn đồng) thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 (một) áo khoác mầu đen; 01 (một) cân tiểu ly điện tử mầu đen không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen BKS 34C1 – 03990 cơ quan CSĐT Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đang xác minh làm rõ, nên không đề cập xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với đối tượng bị cáo khai tên là N, bán ma túy cho bị cáo ở khu vực ngã ba Bến Đụn, thuộc xã YĐ, thị xã ĐT; quá trình điều tra không làm rõ được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ đề cập xử lý; Đối với anh Đỗ Hữu K là người điều khiển xe mô tô chở D đến nhà nghỉ Liên Phương, nhưng anh K không biết việc D tàng trữ ma túy để sử dụng nên không đề cập xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

[1] Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn D** phạm tội: "***Tàng trữ trái phép chất ma tuý***".

[2] Xử phạt: **Trần Văn D *36 (ba mươi sáu) tháng tù***, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 18/12/2017.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 (một) phong bì thư số 20/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh hoàn lại sau giám định còn nguyên vẹn; 01 (một) áo khoác mầu đen; 01 (một) cân tiểu ly điện tử mầu đen.

- Trả lại bị cáo Trần Văn D số tiền 8.000^{đ} (*Tám nghìn đồng*) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

[4] Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) vào ngân sách Nhà nước.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo.
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định